TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 699/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 399/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đinh Trọng T, sinh năm: 1978, số CCCD: 040078000340; Địa chỉ: F xã V, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bà Trần Thị N, sinh năm 1976, số CCCD: 079176012494; Địa chỉ: B Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 192/KH, quyển số 01/2001 của của U, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 01/10/2001 thì ông T và bà N là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà N cùng trình bày ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2001 tại U, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, lối sống không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay cảm thấy mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà N yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn. Do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con tên Đinh Trần Trọng B, sinh năm: 2001. Do con chung đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về lệ phí việc dân sự là: Ông Đinh Trọng T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0021245 ngày 06/04/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Trọng T và bà Trần Thị N thuận tình ly hôn (Ông Đinh Trọng T và bà Trần Thị N đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 192/KH, quyển số 01/2001 của U, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 01/10/2001.

- Về con chung: Có 01 con tên Đinh Trần Trọng B, sinh năm: 2001. Do con chung đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đinh Trọng T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0021245 ngày 06/04/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Cao Thị Thu Hiền